RỦI RO MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG CẤP TÍN DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG FDI TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

TS. Đỗ Thị Thu Hà* - ThS. Bạch Thành Long - ThS. Nguyễn Thị Minh Huệ** - Trịnh Tuấn Anh****

Trong bối cảnh dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) gia tăng mạnh mẽ tại Việt Nam, các ngân hàng thương mại ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp tín dụng cho khu vực doanh nghiệp FDI. Tuy nhiên, nhiều dự án FDI hoạt động trong các ngành có mức độ rủi ro môi trường cao, làm phát sinh các rủi ro môi trường - xã hội có khả năng chuyển hóa thành rủi ro tín dụng đối với ngân hàng. Bài nghiên cứu phân tích cơ sở lý luận về rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng, đồng thời đánh giá thực trạng rủi ro môi trường của doanh nghiệp FDI và những hạn chế trong công tác nhận diện rủi ro môi trường tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. Trên cơ sở đó, nghiên cứu chỉ ra rằng việc thiếu hệ thống đánh giá rủi ro môi trường (ESMS) thống nhất, hạn chế về năng lực đánh giá của cán bộ tín dụng và khó khăn trong tiếp cận thông tin môi trường là những rào cản chính làm giảm hiệu quả quản trị rủi ro môi trường trong hoạt động tín dụng. Từ những phân tích này, bài viết đề xuất một số định hướng nhằm tăng cường tích hợp rủi ro môi trường vào quản trị rủi ro tín dụng, chuẩn hóa hệ thống ESMS theo thông lệ quốc tế và nâng cao năng lực giám sát môi trường trong suốt vòng đời khoản vay. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hoàn thiện quản trị rủi ro môi trường trong hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam, hướng tới mục tiêu phát triển ngân hàng xanh và tài chính bền vững.

• Từ khóa: *rủi ro môi trường xã hội, doanh nghiệp FDI.*

In the context of rapidly increasing foreign direct investment (FDI) inflows into Vietnam, commercial banks have assumed an increasingly important role in extending credit to FDI enterprises. However, a considerable number of FDI projects operate in environmentally sensitive and pollution-intensive industries, thereby generating environmental and social risks that may be transmitted into credit risk for lending banks. This study investigates the theoretical foundations of environmental risk in bank lending and evaluates the current environmental risk exposure of FDI enterprises in Vietnam, together with the limitations of environmental risk identification practices in Vietnamese commercial banks. The findings reveal that the lack of a standardized Environmental and Social Management System (ESMS), the limited capacity of credit officers to assess environmental risk, and constraints in accessing reliable environmental information are the principal barriers to effective environmental risk management in credit activities. Based on these findings, the study proposes policy and managerial implications aimed at strengthening the integration of environmental risk into credit risk management, standardizing ESMS in accordance with international practices, and improving environmental monitoring throughout the loan life cycle. The study provides both theoretical and practical implications for advancing green banking and sustainable finance in Vietnam.

• Key words: *environmental and social risk, FDI enterprises.*

Ngày nhận bài: 21/01/2026
Ngày gửi phản biện: 21/3/2026
Ngày duyệt đăng: 14/4/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i311.20

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã trở thành một động lực quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu sản xuất tại Việt Nam. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu cho thấy FDI tại các nền kinh tế đang phát triển thường tập trung vào các ngành thâm dụng tài nguyên và năng lượng, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nếu thiếu cơ chế kiểm soát hiệu quả (World Bank, 2019; UNCTAD, 2022).

Thực tiễn tại Việt Nam cho thấy một số doanh nghiệp FDI trong các lĩnh vực như dệt nhuộm, luyện kim, hóa chất và chế biến đã vi phạm các quy định bảo vệ môi trường, dẫn đến xử phạt hoặc đình chỉ hoạt động, qua đó ảnh hưởng đến tính ổn định trong hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2020).

Từ góc độ ngân hàng thương mại, các rủi ro môi trường phát sinh tại doanh nghiệp vay vốn có thể chuyển hóa thành rủi ro tín dụng thông qua gián đoạn sản xuất, chi phí khắc phục hoặc suy giảm uy tín doanh nghiệp (IFC, 2012). Do đó, việc tích hợp các yếu tố môi trường - xã hội vào quy trình thẩm định tín

** Học viện Ngân hàng; email: hadtt@hvnh.edu.vn*
*** Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; email: btlong.ho@vietcombank - huentm.ho@vietcombank.com.vn - anhtt.ho@vietcombank.com.vn*

dụng được xem là một công cụ quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro (Weber, 2012).

Mặc dù Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều định hướng thúc đẩy quản lý rủi ro môi trường - xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, việc triển khai hệ thống ESMS tại nhiều ngân hàng thương mại vẫn còn hạn chế. Vì vậy, nghiên cứu các giải pháp giảm thiểu rủi ro môi trường trong cấp tín dụng đối với khách hàng FDI là cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro và thúc đẩy phát triển tài chính bền vững.

2. Thực trạng rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng đối với khách hàng FDI tại ngân hàng thương mại Việt Nam

Thực trạng khách hàng FDI trong hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại Việt Nam

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã và đang trở thành một bộ phận quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, đồng thời là nhóm khách hàng đặc thù trong hoạt động cấp tín dụng của các ngân hàng thương mại. Theo Luật Đầu tư năm 2020, doanh nghiệp FDI bao gồm các tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông và thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam (Quốc hội, 2020).

Xét trên bình diện kinh tế vĩ mô, khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với tăng trưởng, xuất khẩu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam. Các đánh giá chính thức gần đây cho thấy khu vực FDI hiện đóng góp khoảng 20% GDP và duy trì tỷ trọng trên 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; riêng năm 2025, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt 475,04 tỷ USD, trong đó khu vực FDI chiếm khoảng 77,3%. Cùng với đó, tổng vốn FDI đăng ký trong năm 2025 đạt 38,42 tỷ USD, còn vốn FDI thực hiện đạt 27,62 tỷ USD, mức cao nhất trong 5 năm gần đây. Những con số này cho thấy khu vực FDI không chỉ là một động lực tăng trưởng quan trọng mà còn là lực lượng nòng cốt trong hoạt động sản xuất công nghiệp và thương mại quốc tế của Việt Nam. Sự mở rộng cả về quy mô vốn lẫn hoạt động sản xuất - xuất khẩu của khu vực FDI kéo theo nhu cầu ngày càng lớn đối với các dịch vụ tài chính - ngân hàng, đặc biệt là tín dụng trung và dài hạn, tài trợ thương mại, bảo lãnh và các dịch vụ quản trị dòng tiền phục vụ các dự án đầu tư quy mô lớn.

Xét trong tổng thể hệ thống ngân hàng, dư nợ tín dụng đối với doanh nghiệp FDI chiếm tỷ trọng không lớn nhưng mang tính tập trung cao tại một số ngân hàng thương mại chủ lực. Theo các báo cáo phân tích ngành ngân hàng và tổng hợp từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đến cuối năm 2024, dư nợ cho vay đối với doanh nghiệp FDI ước chiếm khoảng 2-5% tổng dư nợ tín dụng toàn hệ thống, tùy theo cách phân loại và phạm vi thống kê (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2024).

Tuy nhiên, tỷ trọng này có sự phân hóa rõ rệt giữa các ngân hàng thương mại. Các ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng có thế mạnh về thanh toán quốc tế thường có tỷ lệ dư nợ FDI cao hơn mức trung bình ngành, phản ánh chiến lược tập trung phục vụ các doanh nghiệp lớn, dự án quy mô và chuỗi cung ứng toàn cầu. Báo cáo phân tích ngành ngân hàng năm 2024, 2025 của VCB Securities, cho thấy:

• Vietcombank là ngân hàng có tỷ trọng dư nợ khách hàng FDI cao nhất, chiếm khoảng 10% tổng dư nợ tín dụng;

• VietinBank và BIDV có tỷ trọng dư nợ FDI lần lượt ở mức khoảng 5-6% và 3-4% tổng dư nợ (VCB Securities, 2024).

Những số liệu này cho thấy mặc dù quy mô tín dụng FDI chưa chiếm tỷ trọng lớn trong toàn hệ thống, nhưng mức độ tập trung rủi ro tại từng ngân hàng lại tương đối cao, đặc biệt tại các ngân hàng dẫn đầu về tài trợ thương mại và đầu tư quốc tế.

Trong những năm gần đây, tín dụng đối với khu vực doanh nghiệp FDI tại Việt Nam có xu hướng tăng trưởng ổn định song song với dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, phản ánh vai trò của hệ thống ngân hàng thương mại trong việc cung ứng vốn cho khu vực kinh tế này. Mặc dù xét trên bình diện toàn hệ thống, dư nợ tín dụng FDI chỉ chiếm khoảng 2-5% tổng dư nợ, nhưng các khoản tín dụng này thường có giá trị tuyệt đối lớn, thời hạn dài và tập trung vào các ngành công nghiệp có tác động môi trường cao, từ đó làm gia tăng rủi ro môi trường - xã hội tiềm ẩn trong danh mục tín dụng của ngân hàng (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2024).

Đặc biệt, nhiều dự án FDI được tài trợ tín dụng thuộc các lĩnh vực như: công nghiệp chế biến - chế tạo, hóa chất, luyện kim, dệt nhuộm, năng lượng và hạ tầng khu công nghiệp. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, đây là các ngành có mức độ rủi ro môi trường - xã hội từ trung bình đến cao, đòi hỏi quy trình thẩm định nghiêm ngặt hơn so với các ngành dịch vụ hoặc thương mại thông thường (World Bank, 2024).

Từ góc độ quản trị rủi ro ngân hàng, quy mô tín dụng FDI dù không lớn về tỷ trọng nhưng lại mang tính rủi ro tập trung (concentration risk), do các khoản vay thường gắn với:

• Dự án đơn lẻ quy mô lớn;

• Tài sản bảo đảm phụ thuộc vào hiệu quả vận hành dự án;

• Khả năng trả nợ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ tuân thủ pháp luật môi trường và xã hội.

Do đó, rủi ro môi trường - xã hội của khách hàng FDI có khả năng chuyển hóa thành rủi ro tín dụng, nếu không được nhận diện và kiểm soát kịp thời trong suốt vòng đời khoản vay (IFC, 2012).

Thực trạng rủi ro môi trường tại các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam

Một số trường hợp phát sinh rủi ro môi trường của doanh nghiệp FDI và hàm ý rủi ro môi trường (ESMS) với ngân hàng, cụ thể:

Bảng 1: Một số trường hợp phát sinh rủi ro môi trường của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam

STT	Doanh nghiệp FDI	Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư	Ngành nghề	Hành vi vi phạm môi trường chính	Biện pháp xử lý của cơ quan nhà nước	Mức độ tác động đến hoạt động kinh doanh	Hàm ý rủi ro đối với ngân hàng
1	Pou Sung Vietnam Co., Ltd. (Pou Chen Group)	Đài Loan	Sản xuất giày dép	Báo cáo sai khối lượng chất thải nguy hại, vi phạm nội dung giấy phép môi trường	Phạt hành chính ~705 triệu đồng	Không bị dừng toàn bộ nhà máy nhưng chịu giám sát chặt	Rủi ro tuân thủ, uy tín; cảnh báo yếu kém quản trị ESG
2	Proconco (Viet-Pháp)	Pháp	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	Không có giấy phép môi trường hợp lệ, xả khí thải vượt chuẩn	Phạt ~780 triệu đồng; đình chỉ nguồn thải 4,5 tháng	Gián đoạn sản xuất, ảnh hưởng dòng tiền	Rủi ro tín dụng trung-cao do đình chỉ hoạt động
3	Thuận Đức Import-Export Trading Co., Ltd.	Trung Quốc	Chế biến thủy sản	Xả thải trái phép, lắp đặt đường ống xả không hợp pháp	Phạt ~2,2 tỷ đồng; treo giấy phép môi trường ~4,5 tháng	Dừng hoạt động cho đến khi khắc phục	Rủi ro rất cao: gián đoạn SXKD, nguy cơ mất khả năng trả nợ
4	Lionas Metals Co., Ltd.	Nhật Bản	Luyện kim (ferrochrome)	Chôn lấp trái phép ~79 tấn chất thải, sử dụng nước không phép	Phạt ~335 triệu đồng; buộc khắc phục môi trường	Bị giám sát và yêu cầu đầu tư bổ sung xử lý chất thải	Rủi ro chi phí tăng, giảm hiệu quả dự án
5	Phúc Lâm Wood Processing Industry Co., Ltd.	Trung Quốc	Giấy - chế biến gỗ	Mở rộng nhà máy khi chưa có giấy phép môi trường	Phạt ~320 triệu đồng; đình chỉ nguồn thải 4,5 tháng	Hoạt động bị ngưng trệ một phần	Rủi ro pháp lý & tiến độ dự án
6	Một số DN FDI tại KCN Đồng Nai (nhiều quốc gia)	Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan...	Dệt, cơ khí, nhựa	Không có giấy phép môi trường, xả thải vượt chuẩn	Phạt hành chính; đình chỉ nguồn phát sinh chất thải	Sản xuất bị gián đoạn từng phần	Rủi ro danh mục tín dụng tập trung theo KCN
7	DN FDI chế biến thủy sản tại miền Tây (nhiều trường hợp)	Trung Quốc, Hàn Quốc	Thủy sản	Xả nước thải chưa xử lý ra môi trường	Phạt tiền; buộc dừng xả thải để khắc phục	Mất mùa vụ, giảm công suất	Rủi ro dòng tiền ngắn hạn, nợ quá hạn
8	Tập đoàn Formosa Plastics	Đài Loan	Thép, luyện kim và cảng nước sâu	Xả nước thải chứa chất độc (phenol, cyanide) ra biển	Bồi thường 500 triệu USD Yêu cầu nâng cấp hệ thống xử lý chất thải và chịu giám sát đặc biệt nhiều năm.	Thiệt hại lớn về uy tín quốc tế. Bị giám sát môi trường đặc biệt trong nhiều năm. - Tăng chi phí đầu tư công nghệ xử lý chất thải	Rủi ro pháp lý, Rủi ro danh tiếng Rủi ro dòng tiền
9	Công ty Vedan Việt Nam	Đài Loan	Bột ngọt (MSG), tinh bột, lysine và các phụ phẩm thực phẩm	xả nước thải công nghiệp chưa xử lý qua đường ống ngầm ra sông Thị Vải	Xử phạt hành chính, đình chỉ xả thải, yêu cầu xây dựng hệ thống xử lý nước thải. - Bị phạt và truy thu phí môi trường	Bị tẩy chay sản phẩm trên thị trường, Phải chi trả bồi thường lớn cho người dân và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải	Rủi ro dòng tiền và khả năng trả nợ, Rủi ro giá trị tài sản đảm bảo

Nguồn: Báo cáo của các NHTM Việt Nam

Trên cơ sở tổng hợp kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam, rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng đối với khách hàng FDI có thể được phân loại thành bốn nhóm chính sau:

(i) Rủi ro vi phạm pháp luật môi trường

Đây là nhóm rủi ro phổ biến và có tác động trực tiếp đến ngân hàng cho vay. Khách hàng FDI có thể vi phạm các quy định về xả thải vượt quy chuẩn, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ đánh giá tác động môi trường (ĐTM), hoặc không tuân thủ yêu cầu xử lý chất thải và khí thải công nghiệp. Những vi phạm này có thể dẫn đến xử phạt hành chính, đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi giấy phép, làm gián đoạn dòng tiền và suy giảm khả năng trả nợ của doanh nghiệp (Ngân hàng Thế giới, 2024).

Thực tiễn tại Việt Nam cho thấy một bộ phận doanh nghiệp FDI, đặc biệt trong các ngành có nguy cơ ô nhiễm cao, đã bị cơ quan quản lý thanh tra và xử phạt vì vi phạm quy định về bảo vệ môi trường; điều này cho thấy rủi ro môi trường là yếu tố không thể xem nhẹ trong quá trình thẩm định và giám sát tín dụng đã bị xử phạt do vi phạm quy định bảo vệ môi trường. Chẳng hạn, dự án sản xuất giấy của Công ty TNHH Lee & Man Việt Nam tại Hậu Giang từng gây quan ngại về nguy cơ ô nhiễm sông Hậu, buộc cơ quan quản lý tăng cường giám sát và yêu cầu bổ sung hệ thống xử lý nước thải trước khi vận hành thương mại. Các yêu cầu này làm phát sinh chi phí và có thể ảnh hưởng đến dòng tiền của doanh nghiệp.

→ **Hàm ý ESMS:** Ngân hàng cần kiểm tra đầy đủ hồ sơ pháp lý môi trường (ĐTM, giấy phép xả thải, báo cáo giám sát môi trường) và đánh giá lịch sử tuân thủ môi trường của khách hàng ngay từ giai đoạn thẩm định.

(ii) Rủi ro công nghệ và quy trình sản xuất lạc hậu

Mặc dù Việt Nam đang đẩy mạnh thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao, cơ cấu công nghệ và hiệu quả môi trường của các dự án FDI trên thực tế vẫn có sự phân hóa đáng kể. Vì vậy, rủi ro tiếp nhận các dự án thâm dụng tài nguyên, tiêu hao năng lượng lớn hoặc tiềm ẩn tác động môi trường bất lợi chưa thể xem là đã được loại bỏ hoàn toàn. Trong bối cảnh các chuẩn mực ESG và các yêu cầu về chuỗi cung ứng bền vững ngày càng trở thành điều kiện tiếp cận thị trường, những hạn chế về công nghệ và hiệu quả môi trường có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ, nhu cầu đầu tư cải tạo công nghệ và rủi ro cạnh tranh đối với doanh nghiệp FDI

Thực tế cho thấy một số dự án trong các ngành có nguy cơ ô nhiễm cao như luyện kim, hóa chất hoặc tái chế đã phải tạm dừng hoạt động hoặc đầu tư bổ sung hệ thống xử lý chất thải do không đáp ứng tiêu chuẩn môi trường. Việc nâng cấp công nghệ làm tăng chi phí đầu tư và có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ trong trung hạn.

→ **Hàm ý ESMS:** Hệ thống ESMS cần đánh giá công nghệ, mức độ tiêu hao năng lượng và phát sinh chất thải của dự án, đặc biệt đối với các khoản vay đầu tư dài hạn.

(iii) Rủi ro trách nhiệm môi trường tiềm ẩn

Rủi ro trách nhiệm môi trường tiềm ẩn phát sinh khi doanh nghiệp phải gánh chịu các nghĩa vụ tài chính trong tương lai do ô nhiễm môi trường, bao gồm chi phí khắc phục ô nhiễm, bồi thường thiệt hại cho cộng đồng và phục hồi môi trường sau khi kết thúc dự án. Các nghĩa vụ này thường không được phản ánh đầy đủ trong báo cáo tài chính, gây khó khăn cho ngân hàng trong đánh giá rủi ro tín dụng (IFC, 2012).

Tại Việt Nam, một số doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực khai thác khoáng sản hoặc sản xuất vật liệu xây dựng phải chi trả chi phí lớn cho hoạt động cải tạo và phục hồi môi trường sau khi kết thúc dự án hoặc khi phát sinh sự cố môi trường. Những nghĩa vụ này có thể làm giảm dòng tiền tự do và ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của doanh nghiệp.

→ **Hàm ý ESMS:** Ngân hàng cần đánh giá nghĩa vụ môi trường tiềm ẩn trong suốt vòng đời dự án và yêu cầu doanh nghiệp có phương án dự phòng tài chính hoặc bảo hiểm trách nhiệm môi trường.

(iv) Rủi ro uy tín đối với ngân hàng thương mại

Ngân hàng tài trợ cho các dự án FDI gây ô nhiễm nghiêm trọng có thể đối mặt với phản ứng tiêu cực từ dư luận, áp lực từ cơ quan quản lý và suy giảm uy tín thương hiệu. Trong bối cảnh các ngân hàng Việt Nam ngày càng hội nhập quốc tế, rủi ro uy tín liên quan đến môi trường trở thành một dạng rủi ro phi tài chính có tác động đáng kể đến hoạt động kinh doanh ngân hàng (BIS, 2021).

Sau các sự cố môi trường lớn liên quan đến doanh nghiệp FDI, không chỉ doanh nghiệp mà cả các tổ chức tín dụng tài trợ cũng chịu áp lực từ dư luận và cơ quan quản lý. Điều này đặc biệt đáng chú ý khi Việt Nam đang thúc đẩy chiến lược tăng trưởng xanh và cam kết giảm phát thải.

→ **Hàm ý ESMS:** Ngân hàng cần phân loại rủi ro môi trường - xã hội theo mức độ nhạy cảm ngành nghề, áp dụng danh mục loại trừ và cơ chế thẩm định nâng cao đối với các dự án FDI có nguy cơ gây tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng.

3. Những hạn chế trong nhận diện rủi ro môi trường đối với khách hàng FDI tại ngân hàng thương mại Việt Nam

Thứ nhất, nhận thức và mức độ ưu tiên đối với rủi ro môi trường còn hạn chế: tại nhiều ngân hàng thương mại Việt Nam, rủi ro môi trường trong cấp tín dụng đối với khách hàng FDI chưa được xem là cấu phần trọng yếu của rủi ro tín dụng. Quá trình thẩm định vẫn chủ yếu tập trung vào các chỉ tiêu tài chính truyền thống như khả năng sinh lời, dòng tiền và tài sản bảo đảm, trong khi các yếu tố môi trường - xã hội thường chỉ được xem xét ở mức độ tuân thủ hình thức. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ áp lực tăng trưởng tín dụng, quan niệm rủi ro môi trường là rủi ro phi tài chính khó định lượng và thiếu các yêu cầu nội bộ mang tính bắt buộc. Điều này có thể khiến ngân hàng đánh giá chưa đầy đủ rủi ro tiềm ẩn của các khoản vay FDI trong trung và dài hạn.

Thứ hai, thiếu hệ thống ESMS thống nhất và chuẩn hóa: Mặc dù một số ngân hàng đã bước đầu xây dựng khung quản lý môi trường - xã hội (ESMS) hoặc tích hợp ESG vào chính sách tín dụng, việc triển khai còn thiếu đồng bộ trong toàn hệ thống. Nhiều ngân hàng chưa xây dựng quy trình ESMS áp dụng thống nhất cho danh mục tín dụng FDI, thiếu hệ thống phân loại rủi ro môi trường theo ngành nghề và cơ chế rà soát rủi ro trong suốt vòng đời khoản vay. Điều này làm giảm hiệu quả nhận diện và phòng ngừa sớm rủi ro môi trường.

Thứ ba, năng lực đánh giá rủi ro môi trường của cán bộ tín dụng còn hạn chế: cán bộ tín dụng tại nhiều ngân hàng chưa được đào tạo chuyên sâu về đánh giá rủi ro môi trường đối với khách hàng FDI. Trong thực tế, việc đánh giá công nghệ sản xuất, nhận diện nghĩa vụ môi trường tiềm ẩn và phân tích tác động của vi phạm môi trường đến khả năng trả nợ còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, việc thiếu các công cụ hỗ trợ như checklist ESMS hoặc hệ thống cảnh báo sớm khiến quá trình đánh giá phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm cá nhân, làm giảm tính nhất quán trong quyết định tín dụng.

Thứ tư, hạn chế trong tiếp cận và khai thác thông tin môi trường: thông tin về tuân thủ pháp luật môi trường của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam còn phân tán và thiếu minh bạch, khiến ngân hàng gặp khó khăn trong việc kiểm chứng dữ liệu do doanh nghiệp cung cấp cũng như theo dõi tình trạng tuân thủ sau khi giải ngân. Trong nhiều trường hợp, rủi ro môi trường

chỉ được phát hiện khi doanh nghiệp bị xử phạt hoặc khi sự cố đã xảy ra, làm giảm hiệu quả của quản trị rủi ro chủ động.

Thứ năm, rủi ro môi trường chưa được tích hợp hiệu quả vào hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ: tại nhiều ngân hàng thương mại, các yếu tố môi trường - xã hội chưa được lượng hóa thành chỉ tiêu cụ thể trong hệ thống xếp hạng tín dụng. Do đó, các yếu tố này thường ít ảnh hưởng đến kết quả xếp hạng tín dụng cũng như quyết định phê duyệt hạn mức và điều kiện tín dụng, dẫn đến việc rủi ro môi trường chưa được phản ánh đầy đủ trong đánh giá rủi ro tổng thể của khách hàng FDI.

Thứ sáu, cơ chế giám sát sau cấp tín dụng gắn với rủi ro môi trường còn hạn chế: hoạt động giám sát sau cấp tín dụng tại nhiều ngân hàng chủ yếu tập trung vào tình hình tài chính và dòng tiền, trong khi việc theo dõi tuân thủ môi trường của khách hàng FDI còn thiếu hệ thống và chưa được thực hiện thường xuyên. Điều này làm giảm khả năng phát hiện sớm các dấu hiệu vi phạm môi trường và hạn chế hiệu quả can thiệp kịp thời khi rủi ro gia tăng.

4. Yêu cầu đặt ra đối với ngân hàng thương mại Việt Nam trong bối cảnh nhận diện rủi ro môi trường đối với khách hàng FDI

Trước những hạn chế trong công tác nhận diện rủi ro môi trường đối với khách hàng FDI, các ngân hàng thương mại Việt Nam cần đổi mới cách tiếp cận quản trị rủi ro theo hướng tích hợp các yếu tố môi trường - xã hội vào hoạt động tín dụng, phù hợp với yêu cầu hội nhập tài chính quốc tế và định hướng phát triển bền vững.

Thứ nhất, rủi ro môi trường cần được tích hợp vào hệ thống quản trị rủi ro tín dụng tổng thể thông qua việc lồng ghép các tiêu chí môi trường trong quy trình thẩm định, phê duyệt và giám sát tín dụng, đồng thời xem xét tác động của rủi ro môi trường đến xác suất vỡ nợ và mức tổn thất khi vỡ nợ của khách hàng.

Thứ hai, các ngân hàng cần chuẩn hóa và hoàn thiện hệ thống quản lý môi trường - xã hội (ESMS) theo thông lệ quốc tế như IFC Performance Standards và Equator Principles. Việc xây dựng khung ESMS thống nhất, phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro môi trường, thiết lập danh mục ngành nghề nhạy cảm và tăng cường giám sát sau giải ngân sẽ giúp nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng.

Thứ ba, cần nâng cao năng lực chuyên môn của cán bộ tín dụng thông qua đào tạo về ESG và ESMS, đồng thời trang bị các công cụ hỗ trợ như checklist đánh giá rủi ro môi trường và hệ thống cảnh báo sớm.

Thứ tư, các ngân hàng cần tăng cường hệ thống thông tin và cơ chế giám sát môi trường, bao gồm việc yêu cầu báo cáo môi trường định kỳ, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước và ứng dụng công nghệ trong theo dõi rủi ro môi trường trong suốt vòng đời khoản vay.

Thứ năm, trong chiến lược tín dụng đối với khu vực FDI, ngân hàng cần cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng tín dụng và yêu cầu phát triển bền vững, ưu tiên tài trợ các dự án thân thiện với môi trường và kiểm soát chặt chẽ các dự án có nguy cơ ô nhiễm cao.

Những định hướng này sẽ góp phần nâng cao chất lượng tín dụng FDI, hạn chế rủi ro nợ xấu phát sinh từ các yếu tố môi trường và thúc đẩy vai trò của hệ thống ngân hàng trong quá trình chuyển đổi xanh của nền kinh tế.

Kết luận

Trong bối cảnh khu vực doanh nghiệp FDI tiếp tục mở rộng và giữ vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Việt Nam, rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng đối với nhóm khách hàng này cần được xem là một cấu phần quan trọng của quản trị rủi ro ngân hàng. Bài viết cho thấy rủi ro môi trường của doanh nghiệp FDI không chỉ dừng ở khía cạnh tuân thủ pháp luật, mà còn có thể chuyển hóa thành rủi ro tín dụng, rủi ro uy tín và rủi ro tập trung đối với ngân hàng thương mại.

Trên cơ sở phân tích thực trạng, nghiên cứu chỉ ra rằng công tác nhận diện rủi ro môi trường tại các ngân hàng thương mại Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, nổi bật là thiếu hệ thống ESMS thống nhất, năng lực đánh giá của cán bộ tín dụng còn chưa đồng đều, thông tin môi trường còn phân tán và việc giám sát sau cấp tín dụng chưa gắn chặt với yếu tố môi trường. Vì vậy, việc tích hợp rủi ro môi trường vào toàn bộ quy trình tín dụng, chuẩn hóa ESMS theo thông lệ quốc tế và nâng cao năng lực giám sát là yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, hạn chế rủi ro phát sinh và thúc đẩy phát triển ngân hàng xanh, tài chính bền vững tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2020). Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia. Hà Nội.
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2023). Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam.
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2024). Báo cáo thường niên.
International Finance Corporation. (2012). Performance standards on environmental and social sustainability. World Bank Group.
Scholtens, B. (2017). Why finance should care about ecology. Trends in Ecology & Evolution, 32(7), 500-505.
World Bank. (2023). FDI and sustainable development. World Bank Publications
UNCTAD. (2022). World investment report. United Nations.
UNEP FI. (2023). Environmental risk analysis by financial institutions.
VCB Securities. (2024). Vietnam Banking Sector Report.
Weber, O. (2012). Environmental credit risk management in banks. Business Strategy and the Environment, 21(4), 248-263.